

ชื่อ..... รหัส.....

ข้อสอบปลายภาค
วิชาฟังและพูดภาษาเวียดนาม 1

วันที่ 26 ตุลาคม 2564

ตอนที่ 1: ให้เลือกคำที่เหมาะสมในช่องว่างให้ถูกต้อง (10 คะแนน)

บทสนทนาที่ 1.

nước	ai	rất vui	cũng
còn bạn	người	thế nào	

Nam: Chào Quốc Khánh!

Quốc Khánh: Chào Nam. Bạn có khỏe không?

Nam: Tôi khỏe. Cảm ơn bạn.?

Quốc Khánh: Tôi.....khỏe. Cảm ơn bạn.

Nam: Đây là?

Quốc Khánh: Đây là Nhat, làThái Lan.

Nam: Chào Nhat..... được gặp bạn.

Nhat: Chào Nam. Tôi rất hân hạnh được làm quen với bạn.

บทสนทนาที่ 2.

ở đâu	không phải	phải không	kỹ sư
nước	làm nghề	tên	

Ngọc: Xin chào. Chị là người Hàn Quốc,.....?

Marry: Dạ, phải. Còn chị? Chị là ngườinào?

Ngọc: Tôi là người Việt Nam. Chị là bác sĩ, phải không ạ?

Marry:....., tôi là giáo viên. Còn chị? Chịgi?

Ngọc: Tôi là thư kí.

Marry: Chị làm việc?

Ngọc: Tôi làm việc ở Công ty Pruksa Việt Nam.

ตอนที่ 2. ภาพและเลือกคำตอบที่ถูกต้องที่สุด (6 คะแนน)



1. Bà tên là gì?

- a. Gia đình tôi bình thường.
- b. Xin chào, tôi cũng khỏe.
- c. Tôi tên là Ri Xin.
- d. Tôi là người Thái Lan.
- e. Đây là Ri Xin, bạn tôi.

2. Bà làm nghề gì?

- a. Không phải, tôi là y tá.
- b. Tôi làm việc ở bệnh viện.
- c. Tôi tên là Ri Xin.
- d. Tôi là nội trợ.
- e. Tôi làm nghề nông dân
- f. Tôi là người Thái Lan.

3. Bà là người nước nào?

- a. Tôi là người Hàn Quốc.
- b. Tôi là người Trung Quốc.
- c. Tôi tên là Ri Xin.
- d. Tôi là người Việt Nam.
- e. Tôi làm nghề nông dân
- f. Tôi là người Thái Lan.



1. Chị làm nghề gì?

- a. Không phải, tôi là phi công.
- b. Tôi làm việc ở bệnh viện.
- c. Tôi tên là Rina.
- d. Tôi là y tá.
- e. Tôi làm nghề nông dân

2. Chị là người nước nào?

- a. Tôi là người Pháp.
- b. Tôi là người Hàn Quốc.
- c. Tôi là người Mỹ.
- d. Tôi là người Úc.
- e. Tôi là người Ý.

3. Chị làm việc ở đâu?

- a. Tôi làm việc ở sân bay.
- b. Tôi làm việc ở bệnh viện.
- c. Tôi làm việc ở nhà máy.
- d. Tôi làm việc ở công ty.
- e. Tôi làm việc ở trường học.

ตอนที่ 3: ให้เลือกคำที่ให้มาเรียงเป็นคำอ่านตัวเลขให้ถูกต้อง (8 ข้อ 8 คะแนน)

Linh	linh	linh	không		
mốt	một	một	một	một	
hai	hai	hai	hai	hai	
năm	năm	năm	lăm	năm	
muời	muời	muời	muời	muời	muời
trăm	trăm	trăm	trăm	trăm	trăm
ngìn	ngìn				

- a. 10.....
- b. 20.....
- c. 102.....
- d. 125.....
- e. 505.....
- f. 511.....
- g. 2.001.....
- h. 10.251.....

ตอนที่ 4: จับคู่ชื่อผลไม้เป็นภาษาเวียดนามและรูปภาพให้ถูกต้อง (6 ข้อ 6 คะแนน)

1.



A. sầu riêng

2.



B. Nhân

3.



C. na

4.



D. hồng xiêm

5.



E. Ổi

6.



F. dừa

ตอนที่ 3: ตอบคำถามให้ถูกต้อง (5 ข้อ 5 คะแนน)

một cân cam và 2 cân nho

đắt thế

ngọt lắm

một trăm mười nghìn,

tiền xu

em ăn thử đi

hai trăm hai mươi nghìn

chua lắm

tiền giấy

1. A: chị ơi! Nhãn bao nhiêu tiền một cân?



B:

2. A: Xoài ngọt hay chua?



B:.....

3. A: Em lấy gì nữa không?

ส้ม 1 กิโลกรัม (80.000 đồng) และองุ่น 2 กิโลกรัม (140,000 đồng)

B: Chị cân cho em.....



4. A: Tất cả hết bao nhiêu tiền? (ส้ม+องุ่น)

B:

5. A: Chị lấy tiền giấy hay tiền xu?

B:.....



ตอนที่ 4: ให้แปลประโยคต่อไปนี้เป็นภาษาไทย (5 คะแนน)

1. Em mua hoa quả đi.
2. Đắt thế?
3. Lấy gì nữa không?.....
4. Cam hôm nay rẻ.....
5. Em ăn thử đi.....

*****Chúc các em may mắn!! ขอให้โชคดี!!!*****